

Trúc Khê Ngô Văn Triện

# NGUYỄN TRÃI ANH HÙNG DÂN TỘC



Nhà xuất bản Tân Dân

**Nguyễn Trãi - Anh Hùng Dân Tộc**

**Trúc Khê Ngô Văn Triện**

Chia sẻ ebook : <http://downloadsachmienphi.com/>

Tham gia cộng đồng chia sẻ sách :

Fanpage : <https://www.facebook.com/downloadsachfree>

Cộng đồng Google : <http://bit.ly/downloadsach>

# Table of Contents

NGUYỄN TRÃI: ANH HÙNG DÂN TỘC

Tác Giả

Nguyễn Trãi

Chương 1. Bểng Hồ Tướng Công

Chương 2. Danh Sĩ Nguyễn Phi Khanh

Chương 3. Nguyễn Trãi Gặp Đồng Chí

Chương 4. Vào Lam Sơn Tìm Gặp Chân Chủ

Chương 5. Lê Thái Tổ Khởi Nghĩa Lam Sơn

Chương 6. Trong Quân Trướng Nguyễn Trãi Vận Trù Quyết Sách

Chương 7. Tập Thư Trao Cho Các Tướng Minh

# Tác Giả

**T**rúc Khê (1901 - 1947) tên thật là Ngô Văn Triện; các bút danh khác là: Cẩm Khê, Kim Thượng, Đỗ Giang, Khâm Trai, Ngô Sơn, Hạo Nhiên Đình. Ông là nhà văn, nhà báo và là nhà cách mạng Việt Nam.

## \* Cuộc đời

Trúc Khê sinh ngày 22 tháng 5 năm 1901 trong một gia đình gốc nông dân và tiểu thủ công ở thôn Thị Cẩm, xã Phương Canh, huyện Từ Liêm, phủ Hoài Đức, tỉnh Hà Đông (nay là xã Xuân Phương, huyện Từ Liêm, Hà Nội).

Năm lên 6 tuổi, ông học chữ Hán với một ông đồ; 11 tuổi học Quốc ngữ ở trường Pháp - Việt, và tự học thêm tiếng Pháp. Đến năm 14 tuổi (1915), triều đình Huế bỏ khoa thi chữ Hán, ông tiếp tục tự học. Năm 16-17 tuổi ông đi làm thợ đan đăng ten rồi sang làm thợ đóng sách ở nhà in Thực Nghiệp, Hà Nội.

Năm 19 tuổi, bài viết đầu tay của ông: Cải lương hương tục, được đăng trên tờ Trung Bắc tân văn năm 1920.

Khoảng năm 1927, ông dự định tìm người đồng chí hướng thành lập Đảng tân Dân, chủ trương đánh đuổi thực dân Pháp; nhưng rồi ông gặp Phạm Tuấn Tài với nhóm Nam Đồng thư xã; rồi sau nữa, khi Việt Nam quốc dân đảng được thành lập, ông theo đảng phái này.

Ông hoạt động chính trị cho đến năm 1929, thì bị nhà cầm quyền Pháp bắt giam ở Hỏa Lò (Hà Nội), nhận án 2 năm tù treo và 5 năm quản thúc.

Ra tù, ông theo hẳn nghề báo. Điểm lại trước sau ông đã viết cho các tờ: Thực nghiệp dân báo (1926-1928), Tạp chí văn học (1932-1933), làm Chủ bút báo Bắc Hà (1933)...

Từ 1935, ông chuyên viết cho Tiểu thuyết thứ bảy, Phổ thông bán nguyệt san, Tao đàn.

Từ năm 1941, ông còn viết cho Tri tân, Nước Nam, Đông Tây, Ích hữu, Dân báo, Khuyến học, Tri Tân, Quốc gia, Truyền bá, Thương Mại, Đông phương nhật báo...

Mặt khác, từ năm 1937 đến 1945, ông đã trước tác, dịch thuật và biên khảo khoảng 60 cuốn sách.

Ngoài ra, ông còn tham gia sáng lập hội Uẩn hoa, Trúc Khê thư cục (1933).

Năm 1941 đến 1945, ông tham gia phong trào truyền bá Quốc ngữ tại Hà Nội.

Năm 1946, Kháng chiến toàn quốc bùng nổ, ông cùng gia đình lên ở Trại Ro, xã Nghĩa Hương, huyện Quốc Oai, tỉnh Hà Tây (nay thuộc Hà Nội). Ở đây, ông giao liên đưa lên chiến khu Việt Bắc tham gia kháng chiến chống Pháp, nhưng chưa kịp đi thì lâm bệnh nặng rồi mất (26 tháng 8 năm 1947) tại nơi đó, hưởng dương 46 tuổi.

## \* Tác phẩm chính

Trong hơn 20 năm cầm bút Trúc Khê đã để lại gần 60 tác phẩm, không kể các bài bình luận, biên khảo đăng rải rác trên các báo. Theo thống kê chưa đầy đủ, ông đã sáng tác và dịch các tác phẩm sau:

- Thơ: Chợ chiều
- Tiểu thuyết: Trăm lạng vàng, Nét ngọc, Đò chiều.
- Truyện ký danh nhân: Mai Thúc Loan, Cao Bá Quát (Nxb Tân Dân - Hà Nội, 1940), Nguyễn

Trãi (Nxb Tân Dân - Hà Nội, 1940), Trần Thủ Độ, Chu Mạnh Trinh, Bùi Huy Bích, v.v...

- Biên khảo: Thánh Gandhi với cuộc vận động độc lập ở Ấn Độ, Hùng vương diễn nghĩa, Tình sử Việt Nam, v.v...

- Tạp văn: Hồn quê I, II

- Dịch thuật: Đồng mệnh điều, Ngọc Lê hồn, Hán sử tranh hùng, Tôn Ngô binh pháp, Âm băng văn tập, Tình sử, Truyền kỳ mạn lục, Tang thương ngẫu lục, Ưc Trai thi văn tập, Măng kẻ bàng quan, Phụ nữ Đức-Ý, Ba Lan phục hưng sử, Bao Công kỳ án, Lý Bạch, Đỗ Phủ, v.v...

- Truyện thiếu nhi: Lê Như Hồ, Lên trời...

# Nguyễn Trãi



## (Đền thờ Nguyễn Trãi ở Côn Sơn, Hải Dương)

**N**guyễn Trãi, hiệu làỨc Trai sinh năm 1380 mất năm 1442, cha Nguyễn Trãi là Nguyễn Ứng Long, tức Nguyễn Phi Khanh, một nho sĩ hay và mẹ là Trần Thị Thái, con gái thứ ba của quan Tư đồ Trần Nguyên Đán. Ông quê gốc ở làng Chi Ngại, huyện Phượng Sơn, lộ Lạng Giang (nay thuộc Chí Linh, Hải Dương).

Năm 1400, ông thi đỗ Thái học sinh và từng làm quan dưới triều Hồ. Sau khi nước ta rơi vào sự cai trị của nhà Minh, Nguyễn Trãi tham gia vào cuộc khởi nghĩa Lam Sơn do Lê Lợi lãnh đạo chống lại ách Minh thuộc với vai trò là mưu sĩ của nghĩa quân Lam Sơn cũng như soạn thảo các văn thư ngoại giao. Năm 1442, do bị hàm oan, toàn thể gia đình Nguyễn Trãi tru di tam tộc trong vụ án Lê Chi Viên Năm 1464, sau quá trình xem xét lại, vua Lê Thánh Tông xuống chiếu giải oan cho ông.

Những đóng góp của Nguyễn Trãi vô cùng lớn lao trong lịch sử của dân tộc. Ông là vị anh hùng, là một khí phách, là tinh hoa của dân tộc. Công lao quý giá và sự nghiệp vĩ đại nhất của Nguyễn Trãi là tấm lòng vì nước thương dân tha thiết và sự nghiệp đánh giặc cứu nước vô cùng vẻ vang. Ông đã giành cả tâm hồn, trí tuệ, tài năng cống hiến cho lợi ích của dân tộc trong phong trào khởi nghĩa Lam Sơn. Tư tưởng chính trị quân sự ưu tú và tài ngoại giao kiệt xuất của ông đã góp phần không nhỏ cho phong trào khởi nghĩa Lam Sơn đi tới thắng lợi. Với những đóng góp của Nguyễn Trãi trong thời đại của ông nói riêng, cho lịch sử quốc gia nói chung thể hiện ở những góc độ khác nhau.

Nguyễn Trãi được coi là một nhà tư tưởng lớn của Việt Nam, tư tưởng của ông là sản phẩm của nền văn hóa Việt Nam thời đại nhà Hậu Lê khi mà xã hội Việt Nam đang trên đà phát triển, đánh dấu một giai đoạn quan trọng trong lịch sử Việt Nam. Nét nổi bật trong tư tưởng Nguyễn Trãi là sự hòa quyện, chắt lọc giữa tư tưởng Nho giáo, Phật giáo và Đạo giáo (trong đó Nho giáo đóng vai trò chủ yếu), có sự kết hợp chặt chẽ với hoàn cảnh thực tiễn Việt Nam thời bấy giờ, nhưng nổi bật hơn cả là tư tưởng anh hùng, yêu nước, thương dân.

- **Trong lĩnh vực Thơ - Văn**, Nguyễn Trãi đã để lại rất nhiều trước tác văn chương, cả bằng chữ Hán và chữ Nôm, rất phong phú về thể loại, bao gồm các lĩnh vực văn học, lịch sử, địa lý, luật pháp, lễ nghi... song đa phần đã bị thất lạc trong vụ án Lê Chi Viên, những tác phẩm còn lại đến nay của ông, phần lớn được sưu tầm và tập hợp trong bộỨc Trai thi tập của Dương Bá Cung, khắc in vào năm 1868 đời nhà Nguyễn.

- **Về văn chính luận** gồm có những tác phẩm tiêu biểu như: Quân trung từ mệnh tập là tập sách gồm những văn thư do Nguyễn Trãi thay mặt Lê Thái Tổ gửi cho các tướng tá nhà Minh trong cuộc khởi nghĩa Lam Sơn, từ năm 1423 đến năm 1427; Bình ngô đại cáo; Bài phú Chí Linh sơn và các chiếu biểu khác. Những tác phẩm của ông được đánh giá là có cách lập luận sắc

sảo, khúc triết, thấu tình đạt lý, có nhu có cương của một nghệ thuật viết chính luận bậc thầy.

- **Về lịch sử:** Lam Sơn thực lục là quyển lịch sử ký sự ghi chép về công cuộc 10 năm khởi nghĩa Lam Sơn, do vua Lê Thái Tổ sai soạn vào năm 1432. Vấn đề tác giả của trước tác này vẫn còn chưa rõ ràng, dù cho đến nay nhiều người khẳng định rằng Lam Sơn thực lục là tác phẩm do Nguyễn Trãi biên soạn nhưng điều đó vẫn chỉ mang tính phỏng đoán; Vĩnh lăng thần đạo bi là bài văn bia do ông viết ở Vĩnh Lăng - lăng của vua Lê Thái Tổ, kể lại thân thế và sự nghiệp của vua Lê Thái Tổ.

- **Về địa lý:** Dư địa chí của Nguyễn Trãi là bộ sách về địa lý học cổ nhất còn lại của Việt Nam trong đó ghi chép lại những sản vật và con người nước ta thế kỷ XV

- **Về thơ phú:** Ước trai thi tập là tập thơ bằng chữ Hán của Nguyễn Trãi, gồm 105 bài thơ, trong đó có bài Côn Sơn ca nổi tiếng; Quốc âm thi tập là tập thơ bằng chữ Nôm của Nguyễn Trãi, gồm 254 bài thơ, chia làm 4 mục: Vô đề (192 bài), Thời lệnh môn (21 bài), Hoa mộc môn (34 bài), Cầm thú môn (7 bài). Đây là tập thơ nôm xưa nhất của Việt Nam còn lại đến nay. Bằng tập thơ này, Nguyễn Trãi là người đặt nền móng cho văn học chữ Nôm của Việt Nam ; Chí Linh sơn phú là bài phú bằng chữ Hán, kể lại sự kiện nghĩa quân Lam Sơn rút lên núi Chí Linh lần thứ ba vào năm 1422; Bể Hồ di sự lục là thiên tản văn bằng chữ Hán do Nguyễn Trãi làm vào năm 1428, kể về cuộc đời Trần Nguyên Đán.

Với những công lao và đóng góp vô cùng to lớn của ông trong lịch sử nước nhà, Nguyễn Trãi đã được xem như nguồn tư liệu quý cho các cho các công trình nghiên cứu, các tác phẩm hội họa, văn học và nghệ thuật...



# Chương 1

## Băng Hồ Tướng Công

Năm Canh Thân (1380) niên hiệu Xương Phù thứ 4 đời vua Đế Nghiễn triều nhà Trần. Một hôm trong dinh quan Tư đồ Trần Nguyên Đán ở kinh đô Thăng Long, có tiếng trẻ khóc oe oe. Đó là tiếng chào đời đầu tiên của đứa tiểu nhi cháu ngoại Trần tướng công, mà sau đây, đứa tiểu nhi ấy trở nên một nhân vật quan hệ lớn lao cho lịch sử của nước Nam Việt.

Trần Nguyên Đán hiệu là Băng Hồ, một vị tôn thất nhà Trần, cháu bốn đời của Chiêu minh vương Trần Quang Khải (người con thứ ba của vua Trần Thái Tông, chức đến thượng tướng, có công đánh phá giặc Nguyên ở đời vua Nhân Tông). Thời vua Duệ Tông và vua Đế Nghiễn, Nguyên Đán làm Quốc thượng hầu, tức là ở vào ngôi Tể tướng. Song triều Trần lúc ấy đã đương đi dần vào thời kỳ suy bĩ. Láng giềng phía nam là nước Chiêm Thành, đương do một vị hùng chúa là Chế Bồng Nga trị vì, làm cho nước ấy cường thịnh lên, rồi vì mối thế thù, luôn năm kéo quân ra cướp phá nước Việt, khiến binh tài của ta ngày dần hư hao. Ngoài biên cương như thế; trong triều thì từ khi Thượng hoàng Nghệ Tông, tin dùng Hồ Quý Ly, Quý Ly nắm hết chính quyền, chuyên đoán mọi việc. Không những thế, y còn có chí tự lập vây cánh để mưu đồ kia khác... Vậy mà Nghệ Tông vẫn một mực tin dùng, không ai can nỡ, có người vì can mà lại phải tội nữa. Băng Hồ tướng công biết cơ nghiệp Trần tất sẽ có ngày rất gần phải đến nghiêng đổ, nhưng không có kế gì cứu vãn, nên vẫn muốn cáo quan lui về.

Trần công đã làm một cái biệt thự gọi là Thanh hư động ở Côn Sơn, thuộc làng Chi Ngại huyện Phượng Sơn, định lui về đấy dưỡng nhàn. Song mấy lần dâng sớ xin cho giải chức mà vua Nghệ Tông không chuẩn tấu, thành ra cái chí quy hưu vẫn chưa đạt được.

Không kể con trai, Trần công có sinh được bốn người con gái. Trưởng và thứ đã xuất giá, bấy giờ còn hai cô thứ ba, thứ tư là Thái và Thai, vì nhỏ tuổi nên còn ở nhà. Thái, Thai hai tiểu thư đều có tư chất thông minh; công muốn cho cùng được chịu một nền học vấn như những con trai, bèn đón hai thầy kiểm về nhà dạy kèm. Thầy kiểm Nguyễn Ứng Long dạy cô Thái; còn cô Thai, thuộc quyền dạy bảo của thầy kiểm Nguyễn Hán Anh.

Ban đầu, khi hai tiểu thư bắt đầu thụ giáo với hai vị gia sư, tuổi mới chừng 11, 12, trên đầu còn phơ phất trái đào. Nhưng ngày tháng trôi đi, sau 4, 5 năm, cả hai đều lớn lên với những nét mặt kiều si, với những vẻ đẹp thanh quý của những cô con gái gác tía lầu hồng, dễ khiến cho lòng kẻ thanh niên ước muốn. Có điều là trong số những người ước muốn, không ai ngờ lại có cả hai thầy kiểm Nguyễn. Thực ra thì sự đó vốn không có gì lạ lắm. Hai sinh bấy giờ tuổi đều đã từ khoảng trên 20 đến 30, vì nhà nghèo và cái chí khoa danh chưa đạt, nên chưa ai có vợ con gì. Vậy mà hàng ngày gần bên cái nhan sắc đằm nguyệt ngây hương, thầy trò lại suồng sã thân nhau như anh em bạn bè, tài nào ngọn lửa ái tình không có lúc ngấm ngấm bốc cháy trong lòng hai sinh mà tự hai sinh không dập nổi. Vẫn biết lễ phép trong nhà một vị đại thần là nghiêm lắm, vả bấy giờ con gái tôn thất ít gả cho ngoài, chẳng những vì soi gương triều Là, muốn tránh cái vạ ngoại thích, còn vì cứ không muốn đem dòng dõi "lá ngọc cành vàng" hạ giá xuống với người bách tính. Nay nếu hai sinh vương vịu tư tình với hai người con gái hoàng tộc, một khi lộ chuyện, sẽ được mang ngay những tội vạ vào thân. Dù vậy, nhưng những người khi đã bị một mối tình yêu cai trị, còn đâu tâm tư để suy nghĩ kỹ càng. Bởi thế mà hai sinh không ai hẹn ai, đều cùng đi đến một con đường phi lễ.



Trước hết do Nguyễn Ứng Long vì yêu cô Thái, thường làm những bài thơ quốc âm ngầm đưa cho cô để khêu tình gợi à. Cô Thái cảm động, cũng làm thơ đáp lại Ứng Long. Việc đó lọt đến con mắt Nguyễn Hán Anh, Hán Anh liền sao chép bài thơ tình để ngầm đưa cô Thái, học trò của mình. Kết quả thì Hán Anh cũng được cô học trò nhỏ đáp lại đúng với lòng ước muốn. Từ đó, bốn người ấy, bề ngoài tuy là thầy kiểem với học trò, nhưng bề trong họ đã thành hai cặp tình nhân rất yêu thương nhau.

Không bao lâu rồi Thái có mang. Ứng Long sợ hãi, biết là tai vạ đến nơi rồi, lập tức bỏ dinh Trần tướng công, tìm đường chạy trốn.

Thấy Nguyễn Ứng Long thốt nhiên trốn đi, Trần công sinh nghi mới để ý tra xét. Khi đã biết rõ tất cả mọi sự thực, công thở dài mà rằng:

— Đó đều là cái lỗi tự ta trị nhà thiếu sự nghiêm cẩn, ta còn đáng trách phạt gì một lũ đầu xanh dại dột kia!

Nghĩ ngẫm một lúc, công lại nói:

— Cơ nghiệp Hoàng Trần sớm chầy tất số, vậy việc đó biết đâu chẳng phải trời xui khiến vậy, và biết đâu chẳng là cái phúc sau này.

Bèn sai người đi tìm cả hai sinh đến, dụ bảo rằng:

— Việc các anh làm, đời xưa cũng đã từng có, tức như là Tư mã Tương Như với Trác Văn Quân. Nay nếu các anh chịu lập chí như là Tương Như, làm nên danh tiếng để đời sau thì ta cũng sòn lòng gả con mà không bắt lỗi gì cả.

Hai sinh dập đầu cảm tạ. Từ đấy ở luôn nhà Trần công làm rể và dốc chí học hành. Đến sau đi thi, cả hai người đều đỗ cao khoa. Song thượng hoàng Nghệ Tông truất bỏ không dùng vì có con nhà thường dân mà dám kết duyên với con nhà hoàng phá, họ đã "phạm thượng".

Nguyễn Ứng Long cùng Thái tiểu thư khi đã thành hôn, sau vài lần sinh không nuôi được, đến lần thứ ba sinh ra một hài nhi như mở đầu chương này đã nói, đó chính là đứa trẻ sẽ mang cái tên Nguyễn Trãi (1380-1442) và là một nhân vật vĩ đại trong lịch sử Việt Nam sau này.

Nguyễn Trãi mới sinh ra, mặt mũi phương phi, thân thể tròn trĩnh, đôi mắt tinh tú đặt ở dưới vầng trán vuông tượng tuy rằng hơi hẹp, nhiều người đã khen là một tướng mạo khác phàm. Bể hồ tướng công yêu quý không biết ngần nào, thường bế ẵm nâng niu và nói:

— Nghiệp Trần nghiêng xiêu, khó lòng chống vững, cái vận mệnh tương lai của người hoàng phá chưa dễ liệu trước được. Nhưng ta có thằng cháu ngoại này, cũng được hả lòng đôi chút. Vì xem khí vũ nó, chắc không phải người hèn hạ. Nó sẽ có thể trở nên một nhân vật kỳ kiệt, may ra cũng để thơm lây đến ngoại gia được một đôi phần.

Năm Xương Phù thứ 9 (1387) Bể Hồ tướng công được phép trí sĩ, lui về hưu dưỡng ở động Thanh Hư tại Côn Sơn. Bấy giờ Nguyễn Trãi lên sáu tuổi, tướng công vì yêu thương cháu, cũng đem theo về. Nhưng ở Côn Sơn được một độ, Trãi vì nhớ cha mẹ và các em nhỏ bấy giờ hiện về ở Nhị Khê, ngày đêm buồn bã chẳng tưởng gì học hành. Tướng công không làm sao được, lại phải sai người đưa Trãi về ở Nhị Khê với cha mẹ.

Sau đó 5 năm, tức đến năm canh ngọ niên hiệu Quang Thái thứ 3 (1390) đời vua Thuận Tông, mùa đông tháng 11, Bể Hồ tướng công tạ thế, thọ 65 tuổi. Trong khi công ốm, thượng hoàng Nghệ Tông thường thân đến Côn Sơn viếng thăm và hỏi về việc nước. Đáp lời vua hỏi, công làm và dâng vua bài thơ "Thập cầm" trong đó có hai câu:

«*Nhân ngôn ký tử dữ lão nha  
Bất thức lão nha liên ái phủ?*»

## **Nghĩa là:**

*«Đem con gởi với quạ già,  
Chắc đâu quạ để con ta được toàn!»*

Bởi bấy giờ, công thấy Nghệ Tông càng tin dùng Hồ Quý Ly hơn và có ý định đem vua nhỏ Thuận Tông uỷ thác cho Quý Ly phò tá, nên hai câu thơ này có ý bảo nhỏ Nghệ Tông đem ấu chúa uỷ cậy Quý Ly, chẳng khác gì đem con gởi quạ vậy.

Công mất rồi, Nghệ Tông sai cử hành tang lễ rất trọng hậu, ngài thân làm bài thơ để ở mộ, tỏ tấm lòng thương tiếc một vị nguyên thần.

# Chương 2

## Danh Sĩ Nguyễn Phi Khanh

**N**gười làng Chi Ngại huyện Phụng Sơn, Nguyễn Ứng Long là một cậu học trò thông minh từ nhỏ. Ứng Long biết làm thơ từ năm 11 tuổi, và hể xuất khẩu là thành chương, nhiều người đã tin ở sự thành đạt của cậu học trò ấy sau này.

Từ đời ông của Ứng Long xưa tên là Phi Loan, vốn tin phong thủy, có nhờ người thầy tàu kiếm tìm được một cát huyết ở đồng làng Nhị Khê thuộc huyện Thượng Phúc.

Tin là một ngôi đất tốt có thể dành sự kết phát về sau cho con cháu, Nguyễn Phi Loan không quản nước non xa cách, rước ngôi mộ cha từ đồng Chi Ngại đến táng ở đồng Nhị Khê. Vì sự trông nom ngôi mộ này, nên đời cha của Ứng Long là Nguyễn Phi Hồ cũng như đời ông xưa, năng đi lại đến làng Nhị Khê lắm. Do sự đi lại ấy trở nên quen thuộc; rồi Ứng Long trong hồi chữa đặng, lại đến làng Nhị Khê mở trường dạy học, từ đấy mới nhập tịch mà thành ra người làng Nhị Khê.

Ứng Long có tiếng hay chữ, nên rồi được quan Tư đồ Trần Nguyên Đán đón làm thực sự để kèm dạy con gái của ngài.

Trần công rất trọng Ứng Long, vẫn gọi là "thầy kiếm Nhị Xuyên". Đến sau, mối tình giảng mắc giữa thầy kiếm Nhị Xuyên với tiểu thư Thái xảy ra, Ứng Long sợ vạ, phải bỏ trốn. Không ngờ Trần công lại là người có cái độ lượng khoáng đạt, thấy việc nghiệp dĩ rồi, đành thuận theo với sự nghiệp dĩ chứ không câu chấp quá, sai người đi tìm Ứng Long về để gả con cho. Ứng Long cảm kích vô cùng, từ đấy càng chuyên công học vấn, mong làm nên công danh sự nghiệp để đền đáp ơn tri ngộ.

Đến khoa giáp dần niên hiệu Long Khánh thứ 2 (1374), Ứng Long thi đậu tiến sĩ. Song vì là con nhà thường dân dám lấy con gái hoàng phái, Thượng hoàng Nghệ Tông truất bỏ không dùng. Nhân thế Ứng Long vẫn chỉ sống với nghề dạy học.

Sau khi sinh Trãi, vợ chồng Ứng Long lại sinh được bốn con trai nữa là Phi Bảo, Phi Ly, Phi Bàng và Phi Hùng. Nhưng rồi Trần thị Thái mất sớm từ khi Bàng Hồ tướng công hầy còn, Ứng Long phải tự mình chăn dắt một đàn trẻ dại.

Cuối đời Kiến Tân (1400), Hồ Quý Ly cướp ngôi của Trần Thiếu Đế, xuống lệnh cắt dùng những người văn học, Nguyễn Ứng Long mới đổi tên là Phi Khanh để ra làm quan với họ Hồ. Niên hiệu Thiệu Thành năm đầu (1401) đời Hồ Hán Sương, Phi Khanh được thụ chức Đại là tự khanh, kiêm Trung thư thị lang, Hàn lâm viện học sĩ, lại lĩnh chức Tư nghiệp ở trường Quốc tử giám. Các con phần nhiều lĩnh quan chức của nhà Hồ cả.

Sau đó 6 năm, giặc Minh sang lấn cướp nước ta, quân Hồ chống cự trái hơn một năm trời, nhưng rút lại vẫn không chống nổi mười mấy vạn hùng binh của Tàu, nên nước phải mất sau khi cha con Hồ Quý Ly cùng các đại thần phụ tá đều bị bắt sống.

Nguyễn Phi Khanh đến lúc thế cùng, đã phải cùng bọn Trần Nhật Chiêu, Nguyễn Cẩn, Đỗ Mãn bó tay hàng giặc, bị giặc giam cầm lại một chỗ. Đến khi giặc bắt được Hồ Quý Ly, Hồ Hán Sương cùng các đại thần khác và đã đem quân chiếm cứ toàn quốc, bèn giải cả bọn vua tôi nhà Hồ về Kiêm Lăng (nay là Nam Kinh); Phi Khanh cũng là một trong số những người bị giải sang Tàu.

Bấy giờ Phi Khanh tuổi đã già yếu, buồn vì nỗi nhà tan nước vỡ, thân mình là một kẻ tù lỗi,

trong lòng chua xót, và biết mình chẳng thể sống được bao lâu. Khi bị giải đến Nam Quan, ngoảnh mặt lại thấy hao con là Trãi và Phi Hùng vẫn lòng thông đi theo tù xa, ai nấy thương cha đều khóc đỏ ngầu cả hai mắt. Phi Khanh vốn biết người con lớn của mình là Trãi chí độ khác thường, sau này tất có thể làm nên rạng vẻ cho nhà, cho nước. Bấy giờ vẫy Trãi lại, thừa lúc vắng vẻ khẽ bảo rằng:

— Ta già rồi, chết cũng không còn hối hận gì nữa. Duy bình sinh ta rất ưa thích sơn thủy núi Bái vọng ở chốn cố hương. Vậy để một mình em con đi theo ta, hễ ta có chết thì nó nhặt lấy xương, đem về chôn ở núi ấy là đủ rồi. Còn con, ta khuyên con nên trở về.

Con là người có học có tài, nên tìm cách rửa nhục cho nước, trả thù cho cha. Như thế mới chính là đại hiếu. Lộ là phải cứ đi theo cha, khúc gút ngát như đàn bà ấy mới là hiếu sao!

Trãi nghe lời cha nói rất phải, từ tạ quay về, để một mình đem Phi Hùng theo cha đi.

Nguyễn Phi Khanh sang đến đất Tàu, chưa bao lâu chết ở bên ấy. Phi Hùng theo lời cha dặn, chờ đợi ở Tàu mấy năm rồi thu thập hài cốt của cha đem về táng ở núi Bái vọng, để cha được thoả nguyện ao ước trong lúc sinh bình. (Gia phả nhà họ Nguyễn nói Nguyễn Phi Khanh bị quân Tàu giam ở Vạn Sơn, vì thủy thổ bất phục mà chết ở đấy).

Đối với văn học sử nước ta về cuối đời Trần, Nguyễn Phi Khanh là một nhân vật để người ta phải nhắc đến tên. Ông từng lấy hiệu là Nhị Khê tiên sinh và có một tập vừa thơ vừa văn chữ Hán gọi là Nhị Khê tập, hiện còn truyền đến bây giờ. Xem trong tập này có nhiều bài rất hay. Thơ tứ tuyệt thì như bài "Đông ngạn giấc xuân":

*Lô thủy đông biên, Lô ngạn thôn,  
Phi phi hồng vũ ám tiền môn,  
Nhĩ biên tân tống xuân quy khứ,  
Vạn lục tùng trung đổ vũ hồn.*

• **Dịch:**

*Bờ đông, lối xóm cạnh sông Lô,  
Mưa gió, nhìn ra cửa tối môn.  
Ra ra đưa xuân vang tiếng quốc,  
Ngàn cây trong những bụi thâm u.*

Thơ thất ngôn luật thì như bài "Tránh loạn trong núi cảm tác":

*Sơ phòng tận nhật tuý hôn hôn,  
Thế lộ gian nguy lãn xuất môn.  
Lục duật từ thân thiên là cách.  
Lưỡng niên khẩu loạn nhất thân tồn.  
Phong trần thiên địa không tao phát,  
Yên chướng thôn loạn chỉ đoạn hồn.  
Mạn hữu thống hoài lao cảnh cảnh,  
Dạ y ngư đầu vọng trung nguôn.*

• **Dịch:**

*Say sưa chọn buổi giữa rừng sâu,  
Đường thế gian nguy hiểm xuất môn.  
Nước loạn hai năm, lơ láo sống.  
Mẹ già nghìn dặm, ngăn ngõ đầu.  
Phong trần khắp sứ bay phờ tóc,  
Lam chướng trong thôn thấm nặng đầu.*

*Tấc dạ bồn chồn, đêm quạnh vắng,  
Ngùi trông đất nước, dựa sao Ngâu.*

Phú thì như bài "Diệp mà nhi". Văn xuôi như bài "Thanh hư động ký". Đó đều là những áng văn hay, đáng cho người sau phải truyền tụng. Người ta từng liệt Nguyễn Phi Khanh vào hàng các ông Phạm Kinh Khê, Trương Hán Siêu, Nguyễn Bá Thông, Đào Sư Tích là những tay danh sĩ đời Trần.

# Chương 3

## Nguyễn Trãi Gặp Đồng Chí

Như trên đã nói, Nguyễn Trãi sinh ra có một cái hình dong tuấn dị; không những thế, lại có tư chất rất thông minh, nên tuổi chừng 20, đã học qua cả các thư sử. Năm 21 tuổi, gặp khoa canh Thìn (1400) của nhà Hồ mới mở là lần thứ nhất. Nguyễn Trãi đi thi, đỗ Thái học sinh (như tiến sĩ), một trong số 20 người cùng đỗ khoa ấy là Lưu Thúc Kiện, Là Tử Tấn, Vũ Mộng Nguyên, Hoàng Hiến, Nguyễn Thành...

Sau khi đỗ, Trãi lĩnh quan chức của nhà Hồ, Trãi làm đến Ngự sử đài chánh chưởng.

Đến khi Hồ mất, cha là Nguyễn Phi Khanh bị bắt đưa về Bắc quốc, Trãi trước đó vẫn đi trốn tránh, bấy giờ vì thương cha, bèn định theo đi để được gần gũi cha trong lúc tuổi già hoạn nạn, sống chết cũng đành. Nhưng sau khi nghe lời cha khuyên, Trãi cảm động rất lấy làm phải, bèn lạy từ trở lại.

Kể đó Trãi bị quân Minh bắt. Tướng Trương Phụ biết người có tài, định thu dùng lấy. Trãi thà chết thì thôi, khi nào chịu nhận quan chức của giặc, nhất định chối từ. Phụ vì thế ý muốn giết Trãi. Nhưng Thượng thư giặc là Hoàng Phúc thấy Trãi có cái tướng mạo kỳ vĩ, đem lòng thương tâm, bèn tha cho, nhưng hạn phải ở thành Đông Quan (Hà Nội), không được đi đâu.

Trãi thấy nước mình bị người Tàu đô hộ, quan Tàu là bọn Trương Phụ thi hành những chính sách hà ngược lòng rất đau buồn...

Rồi đó có việc các vua Hậu Trần là Giản Định, Trùng Quang nối nhau nổi lên kháng cự với quan quân nhà Minh, đồ sự phục quốc. Trãi mấy lần định thoát thân khỏi thành Đông Quan, tìm đến phò tá. Nhưng phần vì người Minh quản cố rất ngặt; phần thấy công việc làm của hai vua Trần có bề sức nổi mà dùng người lại hay nghi kỵ, biết cơ không thể làm nên công chuyện được, nên Trãi vẫn chưa tính kế thoát thân. Sau mấy năm, quả nhiên công cuộc của hai vua Hậu Trần đều bị tan tành, để lại cho lòng người một nỗi buồn rầu than tiếc.

Ở mãi thành Đông Quan tiêu ma ngày tháng mà chí lớn không biết đến bao giờ đạt được. Nguyễn Trãi buồn lắm. Nhân thế một đêm ông lên ngủ ở đền Trấn Võ, cầu thần ứng cho một giấc mộng, cho biết cái tương lai của mình ra sao. Bởi đền Trấn Võ (cạnh Tây Hồ) khi xưa vẫn là một nơi cầu mộng của mọi người, ai có việc gì nghi ngờ, thường đến làm lễ và ngủ luôn trong đền, cầu thần ứng mộng.

Tục truyền đêm ấy, Trãi chiêm bao thấy thần nhân bảo: "Thượng đế đã chọn người ở Lam Sơn là Lê Lợi làm vua nước Nam".

Trãi tỉnh dậy, lòng rất hồ đồ: Lam Sơn là tên đất ở đâu, có người nào là Lê Lợi không, khó mà tin được.

Một hôm Trãi đương ngồi ở nhà đọc sách chợt thấy một anh chàng bán dầu, lù lù đi vào đặt gánh và hỏi:

— Dám hỏi có phải ngài tên là Nguyễn Trãi quan Chánh chưởng ở Ngự sử đài của triều Hồ xưa?

Trãi ngẩng lên, nhìn người ấy bằng đôi mắt dò xét, không hiểu đó là ai lại đến đây hỏi tên họ mình. Trừ trừ một lát, Trãi hỏi lại:

— Bác lái hỏi thăm Nguyễn Trãi có việc gì?

Người lái dầu xem thấy thái độ Nguyễn Trãi, hình như đoán biết là mình đã không lầm, cung kính và nói bằng một giọng thành thật:

— Tôi có một câu chuyện rất lạ, có liên can đến ngài; nếu ngài không chê tôi là một kẻ hèn thì xin phép cho tôi được ngồi hầu chuyện.

Thấy người lái buôn ấy có vẻ thành thật, vả phò là câu chuyện lạ liên can đến mình, Trãi bèn mời y ngồi chơi để hỏi chuyện.

Người lái ngồi xuống rồi, xưng mình họ Trần tên Nguyên Hãn, cháu xa của Trần Hưng đạo vương hiện ở làng Hoắc Xa huyện Lập Thạch. Vì nhà nghèo, lấy nghề buôn dầu làm kế sống, nhưng vẫn quan tâm đến cái thời vận truân kiển của nước nhà. Trần Nguyên Hãn nhân kể cho Nguyễn Trãi nghe cái có tại sao mà mình đường đột tìm đến đây.

Số là trước đây vài hôm, Nguyên Hãn đi bán dầu qua làng Thụy Hương (nay là Thụy Phương) tục gọi là làng Trèm, thuộc huyện Từ Liêm, trời tối, vào đình Trèm nằm ngủ. Đêm khuya, trong lúc bàng hoàng dờ thức dờ ngủ, bỗng nghe thấy có tiếng một vị thần khác đến rủ ông Trèm lên châu trời; nhưng ông Trèm nói là nhà có Quốc công ngủ trọ, không tiện đi được. Đến gà gáy, ông thần kia về làng Trèm hỏi trên trời hôm nay bàn định có việc gì lạ không. Ông thần kia nói: "Thượng đế thấy nước Nam không có chủ, đã sai Lê Lợi làm vua và Nguyễn Trãi làm tôi". Kể xong, Nguyên Hãn nói:

— Cái việc trong mộng như thật ấy, tôi đã thấy rõ ràng lắm, và không thể không lấy làm lạ. Lê Lợi thì không biết là người ở đâu nên chưa tìm được. Còn Nguyễn Trãi là tên của ngài thì tôi đã từng được nghe tiếng, mấy ngày hôm nay dò tìm mãi mới đến được đây. Cứ cái sự tôi thấy như vậy thì ngài là người đã được Thượng đế uỷ cho một công việc có quan hệ đến vận hội nước nhà sau đây, vậy ngài nên để ý đi tìm lấy bậc chân chủ là Lê Lợi, cùng đồ việc lớn.

Nghe xong, Nguyễn Trãi cũng lấy làm lạ, vì thấy phù hợp với giấc mộng của mình. (Những chuyện mộng này thật là huyền hoặc. Biết đâu chẳng phải các ông này sau khi đã gặp vua Lê Lợi, mới bày chuyện ra để cho lòng người tin theo họ Lê).

Sau khi câu chuyện đổi trao, mỗi người đều bày tỏ chí hướng bình sinh, Nguyễn và Trần liền trở nên đôi bạn thân thiết, ước hẹn nhau cùng theo đuổi một công việc lớn.

Trần Nguyên Hãn sau khi từ biệt Nguyễn Trãi, quấy gánh ra đi, mấy hôm lại trở về báo Nguyễn Trãi rằng:

— Tôi đã hỏi dò được Lam Sơn là một làng ở phủ Thanh Hoá. Vậy bây giờ hai anh em mình nên vào đó để tìm chân chủ, bác có thể bỏ thành Đông Quan này mà đi được không?

Nguyễn Trãi mừng rỡ:

— Được, vì lâu nay người Minh họ đã để tôi được rộng rãi, không ràng buộc lắm như trước nữa.

Hai người bèn cùng nhau đi vào Lam Sơn.

# Chương 4

## Vào Lam Sơn Tìm Gặp Chân Chủ

Nguyễn Trãi cùng Trần Nguyên Hãn lần mò đến Thanh Hoá hỏi thăm thì ở làng Lam Sơn, thuộc huyện Lương Sơn (nay là Thuy Nguyên) quả có nhà hào trưởng tên là Lê Lợi. Hai người mừng rỡ cùng tìm vào tận nơi.

Đến Lam Sơn, hai người vờ vẫn ở ngoài đầu làng để thăm hỏi, có người chỉ bảo rằng: "Muốn gặp Lê Lợi thì đây kia, người đang dẫn trâu bò sắp về qua đây, chính ông ấy đó".

Hai người đứng đợi. Một lát sau có một đàn trâu bò tiến đến, theo sau có một người mình mặc áo cánh nâu, vai vác bừa, tay cầm cái cần tre dẫn đũa; đằng sau người ấy lại một bọn mấy chục điền tốt, kẻ vác cây, người vác cuốc, đang thùng thình về. Nguyễn và Trần cùng để mắt trông người đang dẫn đàn trâu có vẻ đĩnh đạc của một vị chủ ông. Người này độ chừng 30, màu da bánh mật, miệng rộng mắt sáng, trán cao và xương chỏ my mắt trọi lên, dáng đi đường bệ uy nghi, cất tiếng nói vang vang như tiếng chuông vậ. Hai người cùng bấm chân nhau khẽ nói:

— Có thể đây là phong cách của một vị chân mệnh thiên tử, không còn ngờ gì.

Hai người cùng bước đến cúi vái Lê Lợi:

— May mắn cho chúng tôi được gặp trưởng giả, vì như chúng tôi đoán: người chính là vị trưởng giả họ Lê ở Lam Sơn?

Lê Lợi nhìn hai người, gật đầu nói:

— Phải, tôi chính là Lê Lợi ở Lam Sơn này. Chẳng hay hai chú ở đâu và đến đây tìm tôi có việc gì?

Hai người nói:

— Chúng tôi là người đường ngoài, vì nhà nghèo không có kế gì doanh sinh, nghe trưởng giả là bậc nhân hậu, sồn lượng bao dung, nên chúng tôi rủ nhau tìm đến, mong được thu nạp làm những kẻ nông phu điền tốt, chúng tôi được đội ơn lắm.

Lê Lợi lại nhìn hai người, mỉm cười nói:

— Trong hai chú, chú kia mình vóc cứng mạnh (trở Nguyên Hãn) xin làm nông phu đã vậy; còn chú này, thân thể yếu ớt (trở Nguyễn Trãi), cũng đòi làm nông phu ư?

Nguyễn Trãi nói:

— Chúng tôi quả vốn là học trò, nhưng nay nghèo quẫn, xin trưởng giả mở lượng khoan hồng, dành cho một công việc làm nhỏ mọn ở trong ấp để được có chỗ dong thân, chúng tôi đội ơn không biết ngần nào.

Lê Lợi gật đầu ưng cho hai người theo về.

Vào ở trong ấp nhà họ Lê, Trần, Nguyễn hàng ngày cũng phải làm những công việc đồng ruộng do chủ nhân hoặc người cai quản cất đặt cho, cốt ở lại để dò xem tình hình ấp ấy và Lê Lợi là người thế nào. Sau mấy tháng nhờ sự hỏi dò, hai người đã biết được gốc tích của nhà Lê Lợi.

Tiên tổ Lê Lợi xưa kia, nguyên là người làng Như Áng cũng thuộc huyện Lương Sơn này. ặng



tổ bốn đời là Lê Hối một bữa đi chơi qua núi Lam, thấy có một đàn chim bay liệng vòng quanh ở một khoảng đất bên dưới núi, như kiểu một đoàn người hội họp. Lê Hối nói: "Đây chắc là một chỗ tốt lành". Bèn thiên nhà đến ở đấy.

Ở được ba năm, Lê Hối đã trở nên có sản nghiệp lớn. Vì nhà họ Lê thu dùng nhiều đầy tớ, và người các nơi cũng theo đến đấy ở vỡ đất làm ruộng, nên chẳng bao lâu chỗ đó thành một nơi dân cư đông đúc, lập thành làng Lam Sơn. Họ Lê, từ ngày ấy, trở nên là nhà hào trưởng trong một vùng, con cháu ngày càng đông, tôi đòi ngày càng nhiều, mà sản nghiệp cũng ngày càng lớn.

Đến đời Lê Đình là con của Lê Hối, Lê Khoáng là con của Lê Đình, nhà họ Lê càng thịnh vượng lắm, trong ấp có một số thủ hạ tới hơn ngàn người. Nối đời chỉ ưa làm những việc hiền lành phúc hậu, nên lòng người cả một vùng đó, ai cũng mến phục.

Lê Lợi là con thứ ba của Lê Khoáng, do bà mẹ là Trịnh Thị Sương sinh ra. Tuy là con thứ ba nhưng anh cả là Học đã mất sớm rồi, anh thứ hai là Trừ tính thích nhàn dật, mọi việc đều giao cả cho em, nên Lê Lợi một mình quản xuất cả công việc trại ấp.

Nguyễn Trãi và Trần Nguyên Hãn hỏi dò biết được gốc tích nhà họ Lê ở Lam Sơn, lại biết tình hình phú thịnh của nhà ấy và sự được lòng mến phục của nhân dân một vùng, bụng đã tin chắc được mấy phần. Duy có điều nhận xét chính thân Lê Lợi thì chưa thấy có gì là khí độ của một người có chí lớn. Họ thấy Lê Lợi chỉ chăm chú vào việc kinh doanh, sớm tính việc canh nông, tối bàn việc súc mục, suy hơn nghĩ thiệt, hình như không từng để ý đến việc nước, nhân thế hai người đều hơi thất vọng. Đã một đôi lần Nguyễn Trãi gần gũi chủ nhân, lân la gọi chuyện nước nhà, định thử dò ý tứ; nhưng đều thấy Lê không bắt chuyện và nói tắt ngang đi bàng những chuyện khác. Một hôm, hai người thấy trong ấp giết trâu mổ bò, hình như có một cuộc tế lễ gì vậy. Hỏi ra mới biết hôm ấy gặp ngày huý nhật tiên khảo (cha) của chủ nhân. Sau lúc Lê Lợi vừa mới làm lễ xong, cho được phải phép, Nguyễn Trãi cùng Nguyên Hãn theo bọn gia đình cũng lên lễ ở trước bàn thờ. Vừa bước lên thềm, hai người trông thấy Lê Lợi ngồi trên chiếc ghế ở trong nhà, tay cầm con dao đang xẻo thịt ở cái đùi bò, bỏ vào miệng nhai nuốt một cách thô lỗ. Nguyễn Trãi thấy vậy, coi Lê Lợi là tuồng mán mọi, đưa mắt nhìn Nguyên Hãn, rồi cả hai cùng chép miệng thở dài.

Sau ngày hôm ấy, Nguyễn, Trần cùng xin phép ông chủ họ Lê để tạm trở về bắc thăm nhà. Kỳ thực hai người đã hoàn toàn thất vọng về Lê, rất tiếc cái công phu khó nhọc ở làm gia bộc bấy nay. Chuyến này về bắc, định bụng chẳng bao giờ trở lại Lam Sơn. Vì con người thô lỗ ấy, làm gì có tài trí, có khí độ của một người anh hùng dẹp giặc cứu dân. Kỳ vọng vào ông ta chỉ đến uổng công, vô ích.

Từ Lam Sơn ra, buổi tối đi đến bến Dương xá, hai người tìm vào một nhà hàng ngủ trọ. Tại một phòng bên cạnh, khách trọ là ba bốn người Tàu. Bọn người Tàu nhìn thấy Nguyễn Trãi, họ khẽ hỏi nhau là: "Đỗ biết người kia đi đâu?" Trong bọn có một người bỗng nói:

— Đó là một kẻ sĩ tài trí, đương đi tìm vua để thờ; đã gặp vua rồi nhưng lòng còn hồ nghi nên lại bỏ đi.

Nguyễn Trãi nghe thấy họ nói vậy, cũng không để à.

Ngày hôm sau lại đi, tối trọ ở bến đò Gián Khẩu (nay thuộc Ninh Bình). Đêm ấy bên nhà hàng giáp vách, cũng có mấy người Tàu trọ. Canh khuya, một người khách ra sân trông trời, chợt gọi đồng người đồng bạn ở trong nhà ra, trở bảo rằng:

— Kia anh trông: ngôi tướng tinh của An Nam đã hiện rõ lắm. Chúng mình liệu đường có nẻo thì tềch không nên ở lâu trong đất nước này.

Người đồng bạn hỏi:

— Anh đã tài xem thiên văn, vậy có thể trông ngôi tướng tinh mà biết được cái người ứng vào ngôi ấy, hình dáng tính nết ra sao không?

— Có thể chứ. Cứ như ngôi tướng tinh, tôi đoán vì vua An Nam sau này là một hổ tướng đa sát, và về sự ăn uống, tất có sở sùng thô lậu.

Nguyễn Trãi nghe thấy như vậy, bảo với Nguyễn Hãn:

— Cứ lời mấy người khách họ nói, có lẽ Lê Lợi quả là một vị vua chân mệnh mà mình chưa dò xét được kỹ; chi bằng hãy trở lại, nhẫn nại chờ xem trong một thời kỳ nữa coi ra thế nào.

Hai người quay lại Lam Sơn, lại vào làm gia đình của nhà họ Lê như trước.

Từ hồi này, Nguyễn Trãi để ý dò nghe động tĩnh của Lê Lợi một cách kỹ càng hơn trước, cũng nhận thấy có những sự hơi là lạ. Như là trước kia mỗi buổi chợ, Lê thường mua rượu uống về nhiều hơn là dầu thắp, nhưng đến nay dần thấy trái lại: dầu nhiều hơn rượu, và những buổi tối, Lê hay vắng mặt ở nhà. Trãi nghĩ ra, càng chú ý hơn. Một đêm kia, Trãi thấy vắng Lê, bèn sẽ lên vào trông rừng, trèo lên một chỗ cao, đứng nhìn bốn phía. Trãi thấy xa xa, trong một cái hốc núi, thấp thoáng có ánh lửa sáng. Đoán là tất có Lê ở đấy, Trãi lần mò đến nơi, núp một chỗ để thử dòm vào. Dưới ngọn đèn dầu lạc, Trãi nhìn thấy trong đó có tám chín người, trừ chủ nhân Lê Lợi, còn có Lê Thụ cũng người làng Lam Sơn. Ngoài ra là những tộc thuộc và thủ hạ ở trong nhà Lê cùng mấy người lạ mặt Trãi chưa quen biết. Cạnh đó, trên một cái bàn đá, có những quyển sách để ngổn ngang bề bộn.

Nín thở lắng nghe, Trãi thấy Lê Lợi đương cùng với Lê Thụ tính số Thái ất khê thì thầm với nhau:

— Năm hợi, đúng năm hợi, công việc của chúng ta có thể bắt đầu.

Trãi mới tỉnh ngộ ra, tự hỏi là mình có mắt không con người, tí nữa bỏ đi định không quay lại đây, sẽ lỡ mất việc lớn biết là ngàn nào. Cuộc họp bí mật này, không còn ngờ gì Lê Lợi quả là bậc anh hùng, có chí khí mưu đồ việc lớn.

Thấy Lê Lợi, Lê Thụ tính số Thái ất và nói với nhau như thế, Trãi cũng bấm tay tính thử, vì Trãi cũng đã từng nghiên cứu kinh Thái ất. Theo Trãi tính, nếu đến năm hợi mới khởi binh là chậm, phải là năm dậu mới đúng. Trãi lúc ấy không thể nín được, hô to lên:

— Chúa công tính nhầm rồi!

Lê Lợi giật mình tuốt gươm, toan bắt Trãi để chém. Trãi nói:

— Tôi sở dĩ đến đây theo hầu chúa công, chính chỉ vì có công việc ấy; chúa công không biết tôi, thật là đáng tiếc.

Lê Lợi vất gươm xuống, mời Nguyễn Trãi ngồi để hỏi chuyện. Sau khi đã biết Trãi là bậc danh nho, lại thông hiểu cả binh pháp, cũng có chí trừ giặc cứu nước, Lê Lợi mừng rỡ nói:

— Thật là trời đem đến một tay lương phụ cho ta.

Lê Lợi lại hỏi:

— Vậy hiền sĩ cũng biết cả tính số Thái ất?

Trãi nói:

— Vâng, Thái ất thần kinh, tôi vẫn đã từng giảng cứu.

— Vậy hiền sĩ thử tính hộ đi, xem đến bao giờ thì chúng ta khởi nghĩa?

— Cứ như tiểu sinh đã tính thì vận số ở vào năm dậu, cuối dậu và đầu tuất, chúa công nên

khởi nghĩa binh.

Từ đây, Trãi được trọng dụng lắm, ngày đêm cùng Lê Lợi và bọn Lê Thụ, Lê Văn An, Lê Văn Linh, Bùi Quốc Hưng, Lưu Nhân Chú, Trịnh Vò, Lê Liễu... bàn tính đại sự. (Một thuyết khác lại nói Nguyễn Trãi đến theo Lê Thái Tổ vào hồi ngài đóng ở Lộ Giang - thuộc Thanh Hoá - về năm canh tí 1420, năm thứ ba của cuộc khởi nghĩa).

# Chương 5

## Lê Thái Tổ Khởi Nghĩa Lam Sơn

**D**òng dõi một nhà hào trưởng ở Lam Sơn, Lê Lợi, tức Lê Thái Tổ, tự thiếu thời, vẫn đã học thông kinh sử, và có một chí khí to tát. Từ khi nước nhà có việc họ Hồ cướp ngôi nhà Trần, rồi đến giặc Minh sang giày xéo đất nước, nhân dân phải làm than khổ sở, Thái Tổ đã nảy ra cái chí phục quốc cứu dân; ngày đêm thường nghiên cứu binh thư trận pháp, định tiềm tâm để chờ cơ hội. Kể đến công việc hưng phục của các vua Hậu Trần đều bị thất bại, người Minh quận huyện nước ta, ngày càng thi hành những chính lệnh hà ngược, trăm họ phải sống trong thuế nặng sưu cao, hình nghiêm phép dữ, Thái Tổ càng nhận thấy ở mình cái trách nhiệm trọng đại và thiêng liêng. Ngài thường buông thả tiền thóc để thu phục lòng người, lại hết sức khiêm cung để nạp các hiền sĩ trong thiên hạ.

Khi đã mộ tập được một số người đồng chí, đêm đêm Thái Tổ thường ước hẹn vào một thung lũng trong rừng, bí mật bàn việc và cùng nhau nghiên cứu tướng lược binh cơ. Một mặt khác, ngài súc tích thóc lúa cho nhiều chờ ngày dùng đến. Song tính Thái Tổ trì trọng, làm việc hay cẩn thận kín đáo. Bởi thế Nguyễn Trãi để ý dò xét đến hàng năm mới biết được chí lớn của ngài. Từ khi được Nguyễn Trãi, thấy là người chẳng những có bầu nhiệt huyết, lại lắm mưu nhiều trí, và có một văn tài mẫn tiệp khác thường. Thái Tổ mừng rỡ vô cùng, coi như là Cao Tông gặp được Phó Duyệt, Văn Vương gặp được Lã Vọng, ngày đêm chỉ cùng Trãi bàn tính công việc.

Rồi bọn quan Tàu cũng nghe tiếng Thái Tổ là vị hào trưởng một phương, rất được lòng người mến phục, bèn định lấy lợi lộc câu dẫn để thu ngài vào trong vòng sai khiến của mình. Họ sai sứ đến dụ ngài ra, hứa sẽ trao cho quan chức. Song Thái Tổ nhất định từ chối, nói rằng mình chỉ thích sống ở chỗ núi khe đồng ruộng, chăn nuôi cho đông đàn, cày cấy cho lắm thóc, đó là sở nguyện; còn về quan chức, sợ không đủ tài năng đương nổi, xin miễn đi cho.

Sứ giả đi rồi, ngài nói với những người thân tín ở tả hữu rằng:

— Đại trượng phu sinh ra ở đời, nên chống nạn lớn, lập công to, để tiếng thơm về ngàn sau, sao chịu uốn mình đi làm tay sai cho kẻ khác!

Bọn quan lại nhà Minh dụ mãi không được, lại dùng uy thế để dọa nạt, song Thái Tổ vẫn không vì thế mà sờn lòng; chán rồi bọn họ cũng thôi.

Họ thôi, vì họ cũng vô tình không biết đâu rằng gã họ Lê ấy đương nuôi một cái chí hưng phục nước nam, sau đây làm cho cuộc đô hộ của họ ở phương nam phải đến tan tành và khiến bọn họ không còn một mảnh giáp để về nước cũ.

Cuối năm đinh dậu (1417), binh lương khí giới đã dự bị đầy đủ, Thái Tổ bàn với các đồng chí chọn ngày khởi binh. Sau do ý kiến của nhiều người, quyết định ngày khởi nghĩa sẽ vào sơ tuần tháng giêng năm mậu tuất (1418).

Muốn làm cho lòng người tin theo một cách vững vàng, không hồ nghi ở trước hai cái thể lực một bên rất mạnh và một bên còn yếu, Nguyễn Trãi nghĩ ra một kế giống như cái kế mảnh lụa viết chữ ở trong bụng cá của Trần Thắng đời xưa. (Cuối đời Trần; Trần Thắng nổi lên. Muốn cho lòng người tin theo, Thắng viết ba chữ "Trần Thắng vương" - Trần Thắng làm vua - vào mảnh lụa, giấu vào bụng con cá. Quân sĩ mổ cá thấy, cho là ý trời đã định, đều tin theo Thắng. Nhưng sau Thắng cũng bại). Trãi nhúng bút vào mỡ, viết lên rất nhiều những lá cây trong rừng, mỗi lá

viết tám chữ này:

— Lê Lợi vi quân, Nguyễn Trãi vi thần: Lê Lợi làm vua, Nguyễn Trãi làm tôi.

Sâu kiến cứ những đường mỡ mà ăn thủng lá, thành ra mỗi chiếc lá đều có những đường thủng thành hình 8 chữ này cả. Những kẻ vào rừng kiếm củi thấy thế, lấy làm thần dị, rồi kể nọ đồn đến người kia, đều cho là nhà Lê Lợi đáng vì thiên tử, đã định tự ý trời, nhân thế người ta theo về mỗi ngày càng đông.

Sang năm mậu tuất, một ngày về thượng tuần tháng giêng, bầu trời trong như pha lê. Cả một khu rừng núi Lam Sơn, hôm đó rục rờ bóng cờ tàn, vang lừng hồi chiêng trống. Đó là ngày tể cờ khởi nghĩa rất long trọng oai nghiêm của Lê Thái Tổ. Thái Tổ đã chọn ngày hôm ấy nổi dậy nghĩa binh để dẹp giặc cứu dân. Các tướng sĩ tôn ngài lên ngôi vương, lấy hiệu là Bình Định Vương. Sau khi nhận chịu kiếm ấn và mọi lời hoan hô, Thái Tổ cất đặt mọi người phù tá vào các ngôi tướng văn tướng võ. Các người ấy như là Lê Văn An, Lê Văn Linh, Lê Thận, Nguyễn Trãi, Trịnh Khả, Bùi Quốc Hưng, Nguyễn Sí, Lê Sát, Là Triện; Trần Nguyên Hãn, Trịnh Lỗi, Lê Ngân, Đinh Lễ... mỗi người lĩnh một chức vị. Đoạn rồi ngài phát bố mệnh lệnh, chia quân đi đóng giữ các chỗ ách yếu, đồ việc tiến thủ.

# Chương 6

## Trong Quân Trưởng Nguyễn Trãi Vận Trù Quyết Sách

Lê Thái Tổ khởi binh, Nguyễn Trãi được đặc nhiệm vào một chân trọng yếu trong hàng văn thần, lĩnh chức Hàn lâm thừa chỉ học sĩ; thường phải ở luôn trong quân trưởng để cùng ngài bàn tính những thế công thủ và thảo những văn thư, mệnh lệnh.

Ban đầu, quân sĩ của ta mới có mấy ngàn, không thể địch nổi với số quân Tàu từ mười vạn trở lên, nên thường bị thua và lẩn tránh vào trong rừng núi. Quân ta phải dùng lối xuất kỳ, đánh bàng phục binh để phá giặc, cũng nhiều khi thu được hiệu quả. Như là trận đánh Mã Kỳ ở Lạc Thủy hồi tháng giêng năm mậu tuất (1418); trận đánh Là Bân ở Mùng Một hồi tháng 9 cùng năm ấy; trận đánh ở Chính hồi tháng 5 năm kỷ hợi (1419); trận đánh ở Bồng Tân và ở Thi Lang hồi tháng mười năm canh tà (1420)... quân ta đều dùng phục binh mà đánh cho quân giặc phải thua liểng xiểng. Dù vậy, Bình Định Vương trong mấy năm đầu, vì binh lực so với của giặc thì mạnh yếu khác nhau rất xa, nên ngài cùng các tướng tá phải trải qua nhiều phen nguy hiểm.

Một lần ngài thua trận, quân sĩ tan chạy mất cả, chỉ còn độc một mình tìm đường chạy trốn, mà đằng sau, tướng Minh đương dẫn quân đuổi theo. Túng thế, ngài không biết tính sao, chợt thấy hai vợ chồng ông lão nhà quê đương tát nước ruộng để bắt cá, ngài liền cổi áo, cũng xuống ruộng bắt cá với lão. Một lát quân Minh đến, hỏi lão rằng:

— Có thấy Lê Lợi chạy qua đây không?

Lão trả lời:

— Không thấy ai cả.

Ngài đương lắng tai nghe; lão quay lại mắng:

— Không mò cá đi con! Việc gì đến mày!

Giặc không ngờ gì, kéo đi, thế là ngài được thoát.

Lại một lần giặc đuổi gấp quá, ngài phải trốn vào trong bụi rậm. Giặc có con chó săn khôn lắm, lông lầy cắn vào trong bụi. Giặc xĩa giáo vào, trúng đùi ngài. Ngài phải vội lấy áo lau sạch ngọn giáo, không để giặc thấy vết máu. May sao lúc ấy, trong bụi có con cầy nhầy ra, chó săn xô đuổi. Giặc chém chó mà mắng:

— Tao nuôi mầy để săn cầy à!

Nhân thế ngài lại được thoát.

Trước sau ngài phải chạy về thủ hiểm ở núi Chí Linh (nay thuộc huyện Thuy Nguyên, Thanh Hoá) đến mấy lần. Một lần ngài đóng quân trên núi, giặc vây bọc ở chung quanh. Quân ta bị tuyệt lương đến hơn hai tháng, phải đào củ ráy, cắt măng vào để ăn trừ bữa; ngài phải giết đến 4 con voi và sau phải giết thịt cả đến con ngựa ngài cưỡi để cho quân ăn.

Lại một lần cũng ở trên núi Chí Linh, quân ta bị giặc bao vây rất khẩn cấp. Ngài bất đắc dĩ, hỏi các tướng tá rằng:

— Nay có ai chịu giả làm ta đem quân ra đánh Tây Đô (ở Thanh Hoá) vờ cho giặc bắt được. Ta nhân đó nghỉ ngơi mấy năm, dưỡng binh sức nhuệ, để sẽ đồ việc tái cử không?

Trong hàng các tướng, có Lê Lai tình nguyện đi giả thay ngài. Lai mặc áo bào vàng, giả xưng là Bình Định Vương dẫn quân xuống núi phá vòng vây đi đánh Tây Đô. Trong khi giao chiến, Lai để cho quân giặc bắt được, đem về giết đi. Từ đó, đâu đâu cũng đồn vang cái tin Bình Định Vương chết rồi, quân Minh vững dạ không lo gì nữa. Ngài nhân thế được nghỉ ngơi vài năm, mộ binh trữ lương, rồi lại nổi quân lên đánh giặc.

Trong những bước gian nan ấy, Nguyễn Trãi cùng nhà vua nằm gai nếm mật, song cái chí phục thù tuyệt sỉ, vua tôi vẫn kiên quyết không dời. Rồi đến từ năm Bình Định thứ 8 (1425) trở về sau, sau khi quân ta đã khôi phục lại được toàn cõi Nghệ An, trừ trấn thành, binh oai nổi dậy, lòng người đều hớn hở theo về, khí thế mạnh mẽ như ngọn nước trào dâng, quân giặc không tài nào hãn ngữ nổi nữa.

Toàn cõi Nghệ An tuy đã khôi phục được (1425), song tướng giặc Trần Trí vẫn cố chết giữ lấy thành, không chịu dời bỏ, dầu bên ngoài quân ta bao vây trùng điệp. Nguyễn Trãi nghĩ đem toàn lực vây đánh Nghệ An, mà đánh mãi chưa đổ, sao bèn chia binh đi lấy các thành khác, khiến Nghệ An hãm vào cái thế trợ trợ tự khắc quân giặc phải hàng. Trãi đem kế ấy nói với Thái Tổ. Ngài khen là phải, bèn một mặt sai Tư không Đinh Lễ, đem một đạo binh ra phía bắc đánh lấy Diễn Châu, một mặt sai Tư đồ Trần Nguyên Hãn, Thượng tướng Lê Nỗ, Chấp lệnh Lê Đa Bồ đem một đạo binh vào phía nam đánh lấy Tân Bình (Quảng Bình, Quảng Trị), Thuận Hoá (Thừa Thiên, Quảng Nam).

Hai đạo binh kéo đi, chưa bao lâu đều thu được chiến công rực rỡ.

Tư không Lễ ra đánh Diễn Châu, gặp Đô ty của giặc là Trương Hùng từ thành Đông Quan (Hà Nội) tải ba trăm chiếc thuyền lương vào, Lễ đón đánh một trận kịch liệt, chém chết Thiên hộ Trương và hơn ba trăm quân. Hùng phải bỏ chạy, Lễ cướp được tất cả thuyền lương, rồi vừa đánh vừa đuổi dài ra tận Tây Đô. Thái Tổ nghe tin, lại tuyển thêm hai ngàn tinh binh, sai Lê Sát, Lưu Nhân Chú, Là Triện, Bùi Bị ra hiệp với Đinh Lễ đánh thành Tây Đô. Sau một trận kịch chiến, quân ta chém chết hơn năm trăm quân giặc và bắt sống được rất nhiều. Tướng giặc đóng thành bền giữ, quân ta lại bao vây bốn mặt.

Còn đạo binh của Tư đồ Trần Nguyên Hãn kéo vào đến sông Bồ Chính thì gặp quân giặc. Bọn Hãn tiến vào chỗ hiểm, nhưng đặt quân phục ở phía sau. Tướng Minh là Nhâm Năng đem quân đón đánh; bọn Hãn giả vờ thua chạy, Năng thúc quân đuổi riết. Đến chỗ mai phục, một tiếng hiệu nổi lên, quân phục kéo ra ập giết, Tư đồ Hãn cũng quay binh lại, đánh cho quân giặc thua tan nát, tranh nhau lấy đường mà chạy trốn, lặn xuống sông chết đuối rất nhiều. Thái Tổ lại sai bọn Lê Ngân, Lê Bôi, Lê Văn An đem thêm quân vào tiếp ứng; thừa thắng ruổi dài vào Tân Bình, Thuận Hoá, đi đến đâu giặc phải thua vỡ đến đấy. Thế là từ Tây Đô trở vào phía nam, trừ mấy trấn thành trợ trợ, đất cát đã hầu hết thu vào tay của Bình Định Vương.

Tháng 8 năm bính ngọ (1426) Thái Tổ nghĩ giặc bao nhiêu tinh binh mãnh tướng để cả ở Nghệ An và Đông Đô (Hà Nội), còn các chỗ khác đều đã hư nhược. Ngài bèn sai bọn Khu mật đại sứ Phạm Văn Xảo, Thái úy Là Triện dẫn một đạo quân ra đánh lấy các miền Thiên Quan, Quảng Oai, Quốc Oai, Gia Hưng, Quy Hoá, Đà Giang, Tam Đái, Tuyên Quang, ngăn chặn đường viện binh của giặc từ Vân Nam sang; lại sai bọn thiếu úy Lê Bị dẫn một bọn quân ra đánh lấy các miền Khoái Giang, Bắc Giang, Tạng Giang, ngăn chặn đường viện binh của giặc từ Lương Quảng đến. Quân ta đi đến đâu thắng lợi đến đấy; quân giặc phần nhiều phải lui vào các thành cố thủ.

Tháng 9, viện binh Vân Nam của giặc kéo sang, dưới quyền tiết chế của Đô ty là Vương An Lão. Quân ta đón đánh ở Tam Giang (Việt Trì), cả phá được giặc, giặc bị giết và bị chết đuối rất nhiều.

Tháng 11, đại đội viện binh của giặc lại đến, dưới quyền thống xuất của Tổng binh Vương Thông và Tham tướng Mã Anh. Vương Thông sang đến nơi, hợp cả quân cũ mới hơn 10 vạn người, cùng quân ta quyết chiến một trận rất lớn. Trận này chiến trường ở về mạn Tốt Động, Chúc Động, nay thuộc huyện Chương Mỹ, Hà Đông. Hai quân kịch chiến, quân ta do các tướng Đinh Lễ, Nguyễn Xí, Là Triện, Lê Bí đốc xuất. Kết quả quân ta đại phá được quân giặc, giết được Thượng thư Trần Hiệp, Nội quan Là Thượng và hơn năm vạn quân Minh. Xác quân Minh chết ở khúc sông Ninh Kiều, làm cho nước sông nghẽn tắc không chảy đợc; ngoài ra quân ta còn bắt sống được hơn vạn người và thu được không biết bao nhiêu là binh nhu khí giới. Vương Thông phải bỏ cả quân sĩ, cun cun một mình chạy trốn vào thành Đông Quan.

Thái Tổ khi ấy đương đóng dinh ở Thanh Hoá, tiếp được tin báo, ngài lập tức dời dinh ra bắc, sai các tướng bố vây bốn mặt đánh thành Đông Quan. Tại bến Bồ Đề ở bờ bắc Nhị hà, tức là chỗ ngài đóng dinh, ngài sai dựng một cái lầu bằng trúc cao ngang với thành Đông Quan để tiện nhòm xem động tĩnh ở trong thành. Hàng ngày ngài ở trên lầu và luôn luôn có quan Hàn lâm thừa chỉ Nguyễn Trãi chầu chực ở bên để bàn những sách lược công kích và chiêu phủ.

Bấy giờ thế giặc ngày một suy yếu nên các đồn ải, thỉnh thoảng thường có những trấn tướng của giặc mở thành ra hàng. Mà thành Đông Quan cũng cô nguy, sự thế khó lòng giữ vững được. Nguyễn Trãi bàn với Thái Tổ nên nhân tình thế ấy viết thư chiêu hàng các thành trấn, nếu họ nghe theo, quan quân sẽ đỡ phải khó nhọc, thiệt hại; còn đối với bọn Vương Thông, Sơn Thọ ở trong thành Đông Quan, đường đường là thể diện đại tướng, khuyên họ hàng tất không thể được, nên viết thư khéo léo, bảo rõ lợi hại, để họ chịu cùng mình giảng hoà và rút quân về. Được như thế thì việc binh nhung sẽ có thể kết liễu một cách mau chóng. Thái Tổ khen phải, bèn giao việc viết thư chiêu dụ các thành cho Nguyễn Trãi và việc thư từ trao đổi với Vương Thông trong thành Đông Quan bàn việc giảng hoà. Trãi bấy giờ đem hết trí thông minh, tài hùng biện để viết các thư trát đưa vào Đông Quan và đến các thành trấn gần xa, cương nhu đủ các giọng, cố buộc đủ các lẽ, mỗi một hàng chữ dưới ngọn bút của Trãi viết ra, có cái hiệu lực không kém gì một đội quân. Không những vậy, Trãi còn nhiều lần không từ miệng cọp, thân vào thành giặc để cáo dụ, thành Đông Quan và mọi thành khác. Một lần Trãi đem theo một kẻ hàng tướng viên chỉ huy sứ họ Tăng đến thành Tam Giang (Việt Trì) để chiêu hàng viên tướng trấn giữ. Trãi đem những điều hoạ phúc, lẽ lợi hại, nói một cách hùng hồn và khích thiết, khiến viên tướng giữ Tam Giang là Chỉ huy sứ Lưu Thanh phải rất mến phục và cảm động, bèn đem tướng sĩ toàn thành mở cửa đầu hàng. Thái Tổ nhân thế, đối với Trãi càng mến trọng lắm.



# Chương 7

## Tập Thư Trao Cho Các Tướng Minh

**T**ừ năm mậu tuất (1418) Thái Tổ khởi binh ở Lam Sơn, cho đến năm đinh mùi (1427): người Minh phải cầu hoà rút quân về nước. Trong 10 năm, Nguyễn Trãi truy tuý nơi nhung mạc, ngoài những việc vì vua hoạch kế bày mưu, để chỉ huy các tướng sĩ ở ngoài mặt trận, còn phụng mệnh viết rất nhiều những văn từ mệnh để giao thiệp với các tướng Minh. Những văn từ mệnh ấy, có đủ những lời mềm mỏng hoặc cứng cỏi, nhũn nhặn hoặc kiên cường, giữa cơn binh lửa rộn ràng, cây bút của vị văn thần đã khéo tùy tình thế, tùy trường hợp mà uốn nắn để cho được việc. Ngày nay ta đọc những văn ấy, có nhiều bài khiến ta hưng khởi và sung sướng vô hạn, vì nó đã cho ta được trông thấy những bóng quang vinh của dân tộc trong hồi đức Thái Tổ Cao hoàng đế nhà Lê Lam Sơn khởi nghĩa đánh đuổi quân Tàu.

Xin trích dịch mấy bài sau đây để độc giả được biết những văn thư ấy thế nào, nhân thế cũng là một cách để bổ khuyết cho phần tự sự.

### • Thư trả lời Phương Chính

(Trong khi Bình Định Vương còn đóng quân ở miền rừng núi Thanh Hoá, tướng Minh là Phương Chính đưa thư kể tội. Vương sai Nguyễn Trãi viết thư trả lời. Trãi viết bức thư sau)

Bảo mày giặc dữ Phương Chính. Đạo làm tướng, lấy nhân nghĩa làm gốc, trí dũng làm cành. Nay lũ mày chỉ chuyên lừa dối, giết hại những kẻ vô tội, hãm người ta vào đất chết chẳng động lòng thương, trời đất không thể dung, người ma đều phải giận. Bởi thế luôn năm đi chinh phạt chỉ thua lụn bại. Vậy mà không biết tự đổi lỗi, đi bói hỏi ra nữa, sau này hối lại còn kịp nữa sao! Huống nay nước xuân mới nhóm, lam chướng càng dày, thế không thể chịu đựng lâu được. Vậy mà mày tay cầm đại binh, lửa lần không tiến khiến quân sĩ nhuốm phải lam chướng mà chết, đó là tội lỗi của ai?

Binh pháp nói rằng: "Bậc nhân giả lấy yếu trị mạnh, bậc nghĩa giả lấy ít địch nhiều". Nay mày muốn đánh nhau thì nên tiến binh vào cùng ta quyết sống mái một keo, đừng nên dùng dằng để khổ cho hai quân nữa".

### • Lại trả lời Phương Chính

(Phương Chính được bức thư trên, mắng lại là nếu muốn đánh nhau thì kéo quân xuống đồng bằng đất phẳng, nên lại trả lời bằng thư này)

Bảo mày giặc dữ Phương Chính. Xưa nay người giỏi dụng binh không chỗ nào hiểm cũng không chỗ nào không hiểm, không chỗ nào dễ cũng không chỗ nào không dễ, được thua là ở tướng, chứ có phải ở địa thế hiểm với dễ đâu. Vào chỗ hiểm mà đấu, như hai hổ đấu nhau trong cái hang không, khéo chọi thì thắng, vụng chọi thì bại. Cho nên đất không có hình thường nhất định, chiến không có thế thường nhất định, có gì phân biệt hiểm với dễ đâu! Mày nếu không lui, nên dẫn binh vào mà quyết chiến.

### • Lại gọi cho Phương Chính

(Tháng 5 năm bính ngọ 1426, quân ta đến dưới thành Nghệ An, giặc đóng kín cửa thành không ra, nên ta gọi cho thư này)

Bảo mày giặc dữ Phương Chính. Ta nghe bậc danh tướng, quà nhân nghĩa mà dễ quyền mưu. Lũ mày thì quyền mưu cũng còn chẳng đủ, huống lại nói gì nhân nghĩa. Ngày xưa thư mày gọi

đến cho ta, thường cười ta nấu núp ở chỗ núi rừng, không dám ra giao đấu ở đồng bằng đất phẳng. Nay ta đã đến đây, ngoài thành Nghệ An đều là chiến trường cả, mây bảo đó là núi rừng hay là đồng bằng? Mây đóng kín cửa thành ngồi xó trong ấy, có khác gì một mù già không? Ta e lũ mây không trốn đâu khỏi được cái nhục khăn yếm.

### • Lại trả lời Phương Chính

Phàm đồ việc lớn, lấy nhân nghĩa làm gốc; nên công lớn, lấy nhân nghĩa làm đầu. Chỉ có nhân nghĩa vẹn toàn thì công việc mới trôi chảy được.

Nước mây nhân việc họ Hồ lỗi đạo, mượn cái danh "thương dân đánh tội" để thoả cái thực "cướp của giết người", lấn chiếm bờ cõi ta, hiếp đáp sinh dân ta, nặng thuế, nghiêm hình, bòn gio dãi sạn, dẫu kẻ tiểu dân ở trong chỗ thôn cùng ngõ hẻm, cũng không được yên thân mà sống, nhân nghĩa mà như thế ư? Nay dân oán thán thần giận, nước mây lại gặp đại tang (năm ất tỵ 1425, vua Minh Nhân Tông mất), như thế mà không biết xét mình đối lỗi, lại còn kéo dài mãi việc binh cách ở phương xa, khiến quân lính phơi thây, nhân dân lầm cát. Ta e mối lo của Quà thị không ở ấp Chuyên Du mà sẽ xảy ra ngay bên kẽ vách. (Câu này mượn lời của cụ Khổng. ý nói triều đình nhà Minh, cứ để ý vào việc viễn chinh, không lo nội trị, coi khéo mà hoạ biến xảy ra ngay ở bên cạnh sườn cũng chưa biết chừng).

### • Thư đưa cho Vương Thông, Sơn Thọ

Tôi nghe điều tin là vật báu của nước! Người mà không có điều tin thì còn làm trò gì. Trước đây tiếp được thư của các ngài và các ngài sai người ra nói ước sự hoà giải, tôi đã nhất nhất nghe theo. Nay xem trong thành vẫn đào hào đóng cọc đắp lũy dựng rào, huỷ đồ cổ để đúc súng đạn, sửa chiến khí (sử kà: Vương Thông lấy chuông Quy Điền, vạc Phổ Minh, huỷ ra để đúc súng đạn, lại đắp cao thêm lũy thành Đông quan, đào hào đóng cọc). Như vậy thì các ngài định rút quân về kinh chẳng? định bền giữ thành trì chẳng? đều không sao hiểu được. Truyện có câu: "Bất thành vô vật" nghĩa là nếu không thành thực thì việc gì cũng đều hỏng cả. Ngài nếu thực không bỏ lời trước, thì việc làm tướng nên minh bạch những lẽ lợi hại. Định rút quân thì rút quân, định đóng giữ thì đóng giữ. Có sao mặt ngoài thì vờ vĩnh kết hiếu, bên trong lại ngầm ngầm mưu toan? Tướng chẳng nên sau trước trái nhau, trong ngoài bất nhất như vậy. Kẻ tiểu dân ngu nhưng mà tinh lắm. Tôi dẫu mờ tối không biết gì, nhưng thật có như lời cụ Khổng Tử nói "Xem cách dùng, nhìn lối đi, xét chỗ đứng", như vậy thực đối của lòng người, dẫu nhỏ bằng tơ tóc cũng không thể che giấu được.

### • Thư dụ Vương Thông

Thư đệ đến quan Tổng binh thành sơn hầu.

Bức thư bữa trước, chưa thấy đáp phục: sai người vào chực đợi lại cũng chẳng thấy cho về. Vậy thì câu nói "Ngôn hành phải đi đôi với nhau" của đại nhân ngày trước, nay đâu rồi ư? Tôi nghĩa cái đạo nước nhỏ thờ nước lớn phải nên kính sợ, vả nghĩ lời nói của đại nhân ngày trước, nghĩa không nở tuyệt, cho nên gửi thư đến mãi, chẳng chút ngại phiền. Nhưng chẳng được như lòng, không biết có phải là tình thế khiến vậy hay không? Theo tôi trộm tính cái kế của đại nhân lúc này, không gì bằng rút quân, khái hoàn để cố cái khổ can qua cho hai nước để gỡ cái vạ hao hại cho quốc gia, để vẹn cái nghĩa dựng hộ nước bị đổ, nối hộ dòng bị đứt để tỏ cái nhân của đấng vương giả coi bốn bể đâu cũng như đâu, trên không phụ sự uỷ nhiệm của triều đình, dưới không trái nghĩa xuất khốn của đại tướng, khiến tên ghi sử sách, há chẳng tốt đẹp lắm sao! Dữ kỳ noi theo vết xâu của Hán, Đường, ham đất lớn thích công to, sao bằng làm cái quân nhân nghĩa, chỉ cốt vì dân mà đánh kẻ có tội. Nay không nghĩ đến điều đó mà chỉ chăm chăm đắp thành đào hào, ngày ngày lên mở cửa thành cho quân ra đánh cướp rơm củi, sao mà tự khổ đến thế!

Đại nhân nếu bảo thành trì hiểm cố có thể giữ để chờ đợi, thì tôi e nước xa không cứu được lửa gần. Nếu bảo những quân dũng cảm ở trong thành còn nhiều, muốn quyết một trận sống mái; thì tôi tưởng khi tôi còn ở Khả Lam Trà Lĩnh, các ngài có những mấy vạn quân tinh nhuệ, mà tôi chỉ có mấy trăm quân tâm phúc, tôi còn đánh tan đi được để thành cái thế chẻ nửa, huống nay tôi gồm thu Diễn, Nghệ, Thanh Hoá, Tân Bình, Thuận Hoá và Đông Đô các lộ, tuyển quân tinh nhuệ có hàng mấy chục vạn, vậy thì cái kế sống mái, có thể ngồi tính mà biết trước được rồi.

Song nước thịnh hay suy, quan hệ ở trời, quân mạnh hay yếu, không cứ ở nhiều. Đại nhân thường xem việc họ Hồ ngày trước mà so ví. Tôi nghĩ việc ngày nay với việc ngày trước khác nhau xa lắm. Họ Hồ đối trời ngược dân mà tôi thì kính trời thuận dân, là thuận nghịch khác nhau là một. Quân của họ Hồ trăm vạn nhưng trăm vạn lòng, quân của tôi chỉ vài chục vạn nhưng hết thấy đều cùng một lòng, điều đó khác nhau là hai. Nay đại nhân nếu "không vì người mà bỏ lời nói phải", quyết kế rút về, sai người thân tính cùng với Sơn đại nhân (Sơn Thọ) sang sông hội họp, tôi sẽ xin lui quân ngay về các miền Thạch Thất, Thanh Đàm (Thanh Trì), Khoái Châu để đợi xuất cử. Nếu không như vậy, tôi cũng chẳng biết làm sao được.

### • Lại dụ Vương Thông

Thư kính cùng quan Tổng binh và các vị Đại nhân.

Xưa nay người giỏi dùng binh là ở chỗ hiểu biết thời thế. Được thời và có thể thì biến mất làm còn, hoá nhỏ thành lớn; mất thời và không thể thì trở mạnh ra yếu, đổi yên làm nguy, chỉ ở trong khoảng trở bàn tay mà thôi. Nay các người không rõ thời thế, chỉ đối giả quen, há chẳng phải là hạng sắt phu đón hèn, sao đủ nói chuyện việc binh được. Đạo trước trong mang gian dối, ngoài thác giảng hoà, đắp lũy đào hào, chờ quân cứu viện, tâm tích không tỏ, trong ngoài bất nhất, như vậy khiến ta tin sao được mà chẳng phải ngờ. Cổ nhân có câu rằng: "Kẻ khác có lòng, ta lường đoán lấy", tức là thế đó. Ngày xưa nhà Tần thôn tính sáu nước, chuyên chế bốn biển, quốc chính không tu, mình tan nước vỡ. Nay Ngô (Minh Thái Tổ lúc mới khởi binh, dựng nước là nước Ngô) mạnh đã đâu bằng Tần mà hà khắc hơn Tần nhiều lắm, chẳng qua chỉ trong vòng một năm, sẽ đến nối nhau mà chết hết, đó là mệnh trời chứ chẳng phải sức người. Hiện nay phía bắc có kẻ định Thiên Nguyên (bấy giờ Hậu chúa nhà Nguyên còn giữ ở phía bắc, đặt niên hiệu là Thiên Nguyên), bên trong có mối lo Tần Châu các xứ. Giảng Tả một khu không tự giữ được, huống lại còn chực đi lẫn chiếm nước khác nữa sao! Bọn các người không hiểu sự thế, bị ta đánh bại, lại còn chực níu lấy Trương Phụ để nhờ uy thanh, như thế có phải là đại trượng phu không, hay chỉ là đàn bà thôi đó?

Sự thế ngày nay dù có vị thượng tướng đem quân đến đây, cũng quyết chẳng làm trò gì được, huống chi Trương Phụ chẳng qua đến để mà nộp mạng chứ bỏ nói gì!

Ngày xưa vua Chiêu Liệt nhà Hán là dòng sót lại của họ Lưu, Khổng Minh còn giúp cho nghiệp lớn lại dấy lên được. Huống nay con cháu của Hoàng Trần (Khi ấy vua Lê Lợi tạm lập Trần Cao lên ngôi, xưng là con cháu nhà Trần), mệnh trời thuận cho, lòng người theo về, nước Ngô kia còn chực đoạt làm sao được! Vả đời xưa các bậc hào kiệt, chưa gặp thời thì ẩn nấu, thấy cơ hội thì dấy lên. Cho nên Y Doãn chỉ là một gả thờ cày ở sắt Săn, Thái công chỉ là một chàng câu cá ở sông Vị, thế mà một người làm đến vương tá, một người làm đến đế sư, vậy đó là người hào quà chăng? là người bần tiện chăng? Lại như Mộ Dung nước Yên, Thạch Lặc nước Triệu, đó là người Trung Quốc chăng? là người mán rợ chăng? Ta nghĩ lời của người nói thật là lời của kẻ tiểu nhân rợ mọi, không phải lời nói của người Trung Quốc.

Nay các người kể cùng sức kiệt, lính tráng mỗi một, trong không lương thảo, ngoài không cứu viện, bám búi lấy một khoảng đất, thoi thóp trong một mảnh thành, chẳng phải là miếng thịt

trên thớt, con cá trong chậu rồi sao? Vậy mà còn lừa dối dân ta, dụ dỗ những điều phi nghĩa. Các kẻ trung thần nghĩa sĩ của nước ta, trong khi cùng ách, còn nếm mật nằm gai, không chịu đem lòng kia khác, huống chi như ngày nay còn ai tin nghe những lời bất nghĩa của lũ người. Chỉ e trong thành, người Nam thì nhớ thương chúa cũ, người Ngô thì không chịu được khổ, cùng hại lũ người rồi đem nhau ra hàng, như Trương Phi, Lã Bố ngày xưa, bị hại bởi tay những thủ hạ, ấy là cái là tất nhiên đó.

Nay các thành từ chức Đô ty trở xuống, đều tức giận lũ người lừa dối, nhiều người vượt lũy ra ngoài, báo cáo những tình hình bên trong; kẻ bị khốn cực thì đâm chém lẫn, không đợi phải đến quân lính của ta nữa. Ta ngồi suy tính cho lũ người thì cái cơ bại vong có sáu; Nước lụt mênh mông, tường đổ rào nát, củi cỏ thiếu thốn, ngựa chết lính mệt; bại vong đó là một. Ngày xưa Đường Thái Tông bắt Kiến Đức mà Thế Sung phải ra hàng, nay bao nhiêu ả quan hiếm trở đều có binh tướng đồn đóng, viện binh nếu đến, tất nhiên bị bại. Viện binh đã bại, lũ người còn trốn đằng trời, bại vong đó là hai. Nước người binh khỏe ngựa béo, nay còn để cả miền bắc để phòng thủ quân Nguyên, không rồi đâu nhìn ngó xuống phía nam được; bại vong đó là ba. Can qua bận rộn, chinh phạt rối ren, người chẳng sống yên, nhao nhao thất vọng; bại vong là bốn. Tôi gian chuyên chính, chúa yếu trị vì, xương thịt tàn nhau, vạ khởi ở trong tường vách; bại vong đó là năm. Nay ta nổi dậy quân nghĩa, trên dưới cùng lòng anh hùng tận lực, quân lính ngày một luyện, khí giới ngày một tốt, vừa cày ruộng vừa đánh giặc, trong thành mỗi một, tự phải diệt vong; bại vong đó là sáu. Ngồi giữ một mảnh thành con, để chờ đợi cái cơ bại vong ấy, ta thật tiếc thay cho lũ người. Cổ nhân có câu "Nước xa không cứu được lửa gần". Dù có viện binh đến đây, cũng không ích gì cho sự bại vong cả. Ngày xưa Phương Chính Mã Kỳ chỉ chuyên làm những sự hà ngược sinh linh lầm cát, thiên hạ oán thán: nào mồ mả của nhà ta, nào bắt vợ con của dân ta, kẻ chết hàm oan, người sống bị khổ. Lũ người là những người xét rõ sự cơ, hiểu sâu thời vụ, vậy nên chém đầu Phương Chính Mã Kỳ đem đến cửa quan dâng nộp. Như vậy trong thành sẽ khỏi nạn cá thịt, trong nước sẽ khỏi vạ đau thương, hoà hiếu lại thông, can qua xếp nếp. Nếu muốn rút quân về nước, ta hãy sửa sang cầu cống, mua sắm tàu thuyền, thuỷ lục hai đường, tùy theo ý muốn; quân ra khỏi cõi, muôn phần đảm bảo được yên ổn không lo ngại gì; nước ta lại phụng cống xưng thần, theo như lệ trước. Nếu không nghe lời ta như vậy, thì nên sắm quân dàn trận, ra giao chiến ở giữa bình nguyên để quyết một trận thư hùng để xem cái tài hơn kém, không nên ngồi rú một xó, bắt chước cái điệu bộ của đàn bà nữa.

### • Thư dụ thành Bắc Giang

Thư ngỏ với tướng hiệu, quan viên, quân nhân trong thành Bắc Giang.

Ta nghe người có bắc nam nhưng đạo không kia khác, nhân dân quân tử, chẳng phải là riêng ở một nơi nào. Nước An Nam ta, tuy xa xăm ở cõi Lĩnh Ngoại, nhưng vẫn có tiếng là một nước thi thư, những bậc người tài thức trí mưu, không đời nào là không sòn có. Bởi vậy phạm những công việc ta làm hết thấy đều noi theo lễ nghĩa, trên ứng với trời, dưới thuận với người.

Đạo trước quan tổng binh Thành sơn hầu từ sau trận thua ở Ninh Kiều, có sai người đưa thư ước sự hoà giải. Ta nên muốn hết lòng kính thuận với triều đình, dưới muốn gỡ nạn can qua cho hai nước, cho nên nhất nhất nghe cả. Hẳn lại khuyên ta dâng biểu cầu phong, bảo sau khi đệ biểu lập tức lui quân. Vậy mà biểu đã đi rồi, quân vẫn không lui, lại còn bồi đắp rào lũy, sửa sang khí giới, tự lấy thế làm đắc kế, bội ước thất tin đến vậy là cùng. Nay các nơi Thanh Hoá, Diễn Châu, quân thủ vệ đã đều đến hết cả đây, phạm vợ con tài vật của họ, không hề bị suy suyển mảy may nào cả. Ta nghĩ cái kế hơn hết của lũ người bây giờ không gì bằng ra khỏi thành, cùng quan Đốc quân họ Sài quyết việc về để khỏi chết uống mấy ngàn tính mệnh ở trong thành.

Ta thường xem những việc đắt thắt của người xưa, như Bạch Khởi nước Tàu, Hạng Võ nước Sở, giết kẻ đã hàng và bội ước. Ta quyết không khi nào lại làm như thế: các người nên cứ khoan tâm, đừng nghi ngờ mà hỏng việc. Người nếu bảo thành cao hào sâu, lương thực lại nhiều, thì như Thanh Hoá, Nghệ An các thành, thành không phải không cao, hào không phải không sâu, lương không phải không nhiều, binh không phải không mạnh, mà quan Đô đốc Sái, quan không phải không to, trí không phải không sáng, cũng còn phải tùy thời đạt biến, để giữ toàn tính mệnh cho mấy vạn người: vậy mà lũ người lại còn muốn giữ lời bàn hư để mang lấy vạ thực, há chẳng cũng lằm lằm ư?

Vả ta xem nước người hiện nay, trong có mỗi nguy biến tường vách, ngoài có kẻ cường địch Bắc Nguyên, hoàng trùng đại hạn luôn năm, giặc cướp nổi như ong vấy, cái cơ táng loạn, há chẳng đủ biết trước rồi sao. Bậc trí giả thường biết trước từ khi việc chưa đến nơi, cứ sao lũ người lại kiến cơ một cách muộn màng mà cố muốn tự khổ như vậy. Lũ người nếu chịu ra ngoài thành cùng ta hoà thân, ta sẽ coi các người như tình anh em ruột thịt, chẳng những là bảo toàn vợ con tính mệnh mà thôi. Nếu không như vậy thì tùy lòng các người, chỉ trong sớm tối sẽ gặp nhau chẳng lâu lai gì. Đến lúc bấy giờ, các người có hối lại cũng không kịp nữa, các người nên nghĩ kỹ.

### • Thư dụ thành Tam Giang

Thư ngỏ cùng tướng hiệu quan viên quân nhân trong thành Tam Giang.

Chỗ đáng quạ của người quân tử là ở chỗ thức thời đạt biến, lượng sức liệu mình. Nay có kẻ lấy quả trứng chim để chống với núi Thái, lấy cày bọ ngựa để cản lại bánh xe, mà tự cho là sức có thừa tướng cũng tự ngu quá lắm. Lũ người lấy một số vài ba trăm quân, giữ mảnh cô thành để cùng ta đối kháng, phỏng có khác gì như thế? Thử nghĩ thành trì của các người, cao sâu không thấm với thành Nghệ An, lương thực của các người, đầy đủ sao được bằng thành Diễn Châu, mà quân vũ dũng cảm tự lại lấy đâu được nhiều như quân Diễn, Nghệ, quan tước của các người, lại không lớn bằng Sái đô đốc. Nay Diễn, Nghệ, Thuận Hoá, Tân Bình, Trấn Giang, các xứ, quân giữ thành đều đã mở cửa ra hàng. Dưới cây bồ đề ở bến nay (bến bồ đề) Sái đô đốc đã định ngày rút quân về kinh, phàm những quan quân và vợ con tài sản, đều không bị phạm đến mảy may nào cả. Vậy mà lũ người còn cứ mê lú, không chịu tính xa, sao mà kiến cơ một cách chậm muộn vậy?

Các tướng sĩ của ta ai cũng đều hăm hở muốn phá vào thành, nhưng ta nghĩ thương số người vô tội ở trong thành, vì các người mà bị vạ lây, tiếng trống nổi lên, ngọc đá không còn phân biệt, bởi vậy viết mấy dòng chữ này gửi đến.



Chia sẻ ebook : <http://downloadsachmienphi.com/>

Tham gia cộng đồng chia sẻ sách :

Fanpage : <https://www.facebook.com/downloadsachfree>

Cộng đồng Google : <http://bit.ly/downloadsach>